

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Các ngành/nhóm ngành/chương trình áp dụng cho phương thức ƯU TIÊN XÉT TUYỂN theo quy định ĐHQG-HCM năm 2022

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM								Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)					(5)	(6)								(7)
1	ĐH	QSA	7140201	Giáo dục Mầm non	1. Học sinh đã tốt nghiệp THPT phải có học lực lớp 12 xếp loại giỏi hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên 2. Các ngành đào tạo giáo viên không tuyển những thí sinh bị dị hình, dị tật, nói ngọng, nói lắp. 3. Ngành "Giáo dục Mầm non", ngoài tiêu chí 1 và 2 thí sinh bắt buộc phải đăng ký dự thi bài thi năng khiếu do Trường tổ chức	M02		M03		M05		M06		x
2	ĐH	QSA	7140202	Giáo dục Tiểu học		A00		A01		C00		D01		x
3	ĐH	QSA	7140205	Giáo dục Chính trị		C00		C19		D01		D66		x
4	ĐH	QSA	7140209	Sư phạm Toán học		A00		A01		C01		D01		x
5	ĐH	QSA	7140211	Sư phạm Vật lý		A00		A01		C01		C05		x
6	ĐH	QSA	7140212	Sư phạm Hóa học		A00		B00		C02		D07		x
7	ĐH	QSA	7140217	Sư phạm Ngữ văn		C00		D01		D14		D15		x
8	ĐH	QSA	7140218	Sư phạm Lịch sử		C00		C00		C19		D14		x
9	ĐH	QSA	7140219	Sư phạm Địa lý		A09		C00		C04		D10		x
10	ĐH	QSA	7140231	Sư phạm Tiếng Anh		A01	T.Anh	D01	T.Anh	D09	T.Anh	D14	T.Anh	x
11	ĐH	QSA	7340101	Quản trị kinh doanh		A00		A01		C15		D01		x
12	ĐH	QSA	7340115	Marketing		A00		A01		C15		D01		x
13	ĐH	QSA	7340201	Tài chính - Ngân hàng (Gồm 2 chuyên ngành: Tài chính - Ngân hàng; Tài chính doanh nghiệp)	A00		A01		C15		D01		x	
14	ĐH	QSA	7340301	Kế toán	A00		A01		C15		D01		x	
15	ĐH	QSA	7380101	Luật (Gồm 3 chuyên ngành: Luật Kinh tế; Luật Hành chính; Luật Hình sự)	A01		C00		C01		D01		x	
16	ĐH	QSA	7420201	Công nghệ sinh học (CT Chất lượng cao)	A00		B00		C15		D01		x	
17	ĐH	QSA	7480103	Kỹ thuật phần mềm	A00		A01		C01		D01		x	
18	ĐH	QSA	7480201	Công nghệ thông tin (Gồm 2 chuyên ngành: Công nghệ thông tin; An toàn thông tin)	A00		A01		C01		D01		x	
19	ĐH	QSA	7510406	Công nghệ kỹ thuật môi trường	A16		B03		C15		D01		x	
20	ĐH	QSA	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học	A00		A01		B00		D07		x	
21	ĐH	QSA	7540101	Công nghệ thực phẩm (CT Chất lượng cao)	A00		B00		C05		D07		x	
22	ĐH	QSA	7620105	Chăn nuôi	A00		B00		C08		D08		x	
23	ĐH	QSA	7620110	Khoa học cây trồng (CT Chất lượng cao)	A00		B00		C15		D01		x	
24	ĐH	QSA	7620112	Bảo vệ thực vật	A00		B00		C15		D01		x	
25	ĐH	QSA	7620116	Phát triển nông thôn	A00		B00		C00		D01		x	
26	ĐH	QSA	7620301	Nuôi trồng thủy sản	A00		B00		D01		D10		x	
27	ĐH	QSA	7310630	Việt Nam học (Gồm 2 chuyên ngành: Hướng dẫn du lịch; Quản trị nhà hàng - khách sạn)	A01		C00		C04		D01		x	
28	ĐH	QSA	7220201	Ngôn ngữ Anh (Gồm 2 chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Tiếng Anh du lịch)	A01	T.Anh	D01	T.Anh	D09	T.Anh	D14	T.Anh	x	
29	ĐH	QSA	7229030	Văn học	C00		D01		D14		D15		x	
30	ĐH	QSA	7310106	Kinh tế quốc tế	A00		A01		C15		D01		x	
31	ĐH	QSA	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường	A00		A01		B00		D07		x	
32	ĐH	QSA	7229001	Triết học	A01		C00		C01		D01		x	
33	ĐH	QSB	106	Khoa học máy tính	A00	Toán	A01	Toán					x	
34	ĐH	QSB	107	Kỹ thuật máy tính	A00	Toán	A01	Toán					x	
35	ĐH	QSB	108	Kỹ thuật điện; Kỹ thuật điện tử - Viễn thông; Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	A00	Toán	A01	Toán					x	
36	ĐH	QSB	109	Kỹ thuật cơ khí	A00	Toán	A01	Toán					x	
37	ĐH	QSB	110	Kỹ thuật cơ điện tử	A00	Toán	A01	Toán					x	
38	ĐH	QSB	112	Kỹ thuật dệt; Công nghệ dệt may	A00	Toán	A01	Toán					x	
39	ĐH	QSB	114	Kỹ thuật hóa học; Công nghệ thực phẩm; Công nghệ sinh học	A00	Toán	B00	Toán	D07	Toán			x	
40	ĐH	QSB	115	Kỹ thuật xây dựng; Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông; Kỹ thuật Xây dựng công trình thủy; Kỹ thuật Xây dựng công trình biển; Kỹ thuật cơ sở hạ tầng; Kỹ thuật trắc địa và bản đồ; Công nghệ Kỹ thuật vật liệu xây dựng	A00	Toán	A01	Toán					x	
41	ĐH	QSB	117	Kiến trúc	A01	Toán	C01	Toán					x	

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM									
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)					(5)	(6)								(7)
42	ĐH	QSB	120	Kỹ thuật địa chất; Kỹ thuật dầu khí	(i) Là học sinh giỏi từ 2 năm trở lên đối với học sinh các trường THPT chuyên, năng khiếu, thực hành sư phạm; hoặc (ii) là học sinh giỏi 3 năm đối với các trường THPT còn lại trong danh sách; hoặc (iii) là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia hoặc (iv) là học sinh khá trở lên trong 3 năm và đạt giải vô địch, nhất, nhì, ba trong kỳ thi ICPC Quốc gia khi đăng ký vào các ngành Khoa học Máy tính, Kỹ thuật Máy tính.	A00	Toán	A01	Toán					x
43	ĐH	QSB	123	Quản lý công nghiệp		A00	Toán	A01	Anh	D01	Anh	D07	Anh	x
44	ĐH	QSB	125	Kỹ thuật môi trường; Quản lý tài nguyên và môi trường		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Toán	x
45	ĐH	QSB	128	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp; Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		A00	Toán	A01	Toán					x
46	ĐH	QSB	129	Kỹ thuật vật liệu		A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán			x
47	ĐH	QSB	137	Vật lý kỹ thuật		A00	Toán	A01	Toán					x
48	ĐH	QSB	138	Cơ kỹ thuật		A00	Toán	A01	Toán					x
49	ĐH	QSB	140	Kỹ thuật nhiệt (Nhiệt lạnh)		A00	Toán	A01	Toán					x
50	ĐH	QSB	141	Bảo dưỡng công nghiệp		A00	Toán	A01	Toán					x
51	ĐH	QSB	142	Kỹ thuật ô tô		A00	Toán	A01	Toán					x
52	ĐH	QSB	145	Kỹ thuật tàu thủy; Kỹ thuật hàng không		A00	Toán	A01	Toán					x
53	ĐH	QSB	206	Khoa học máy tính (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
54	ĐH	QSB	207	Kỹ thuật máy tính (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
55	ĐH	QSB	208	Kỹ thuật điện - điện tử (Tiên tiến bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
56	ĐH	QSB	209	Kỹ thuật cơ khí (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
57	ĐH	QSB	210	Kỹ thuật cơ điện tử (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
58	ĐH	QSB	211	Kỹ thuật cơ điện tử (Chuyên ngành Kỹ thuật Robot) (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
59	ĐH	QSB	214	Kỹ thuật hóa học (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	B00	Toán	D07	Toán			x
60	ĐH	QSB	215	Kỹ thuật xây dựng (CLC bằng tiếng Anh); Kỹ thuật Xây dựng công trình giao thông (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
61	ĐH	QSB	217	Kiến trúc (Kiến trúc cảnh quan) (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
62	ĐH	QSB	219	Công nghệ thực phẩm (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	B00	Toán	D07	Toán			x
63	ĐH	QSB	220	Kỹ thuật dầu khí (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán					x
64	ĐH	QSB	223	Quản lý công nghiệp (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Anh	x
65	ĐH	QSB	225	Kỹ thuật môi trường ; Quản lý tài nguyên và môi trường (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	B00	Toán	D07	Anh	x
66	ĐH	QSB	228	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
67	ĐH	QSB	237	Vật lý kỹ thuật (Chuyên ngành Kỹ thuật y sinh) (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	B00	Toán					x
68	ĐH	QSB	242	Kỹ thuật ô tô (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Anh					x
69	ĐH	QSB	245	Kỹ thuật hàng không (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán					x
70	ĐH	QSB	266	Khoa học máy tính (CLC tăng cường tiếng Nhật)		A00	Toán	A01	Toán					x
71	ĐH	QSB	268	Cơ kỹ thuật (CLC tăng cường tiếng Nhật)		A00	Toán	A01	Toán					x
72	ĐH	QSB	218	Công nghệ sinh học (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	B00	Toán	D07	Toán			x
73	ĐH	QSB	229	Kỹ Thuật Vật Liệu (chuyên ngành Kỹ thuật vật liệu công nghệ cao) (CLC bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D07	Toán			x
74	ĐH	QSC	7480101	Khoa học máy tính	-Tốt nghiệp THPT năm 2022.	A00		A01		D01		D07		x
75	ĐH	QSC	7480207	Trí tuệ nhân tạo	-Có hạnh kiểm tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 và đáp ứng một trong các điều kiện sau:	A00		A01		D01		D07		x
76	ĐH	QSC	7480102	Mạng máy tính và truyền thông dữ liệu	oHọc sinh của 83 trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học thuộc các tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).	A00		A01		D01		D07		x
77	ĐH	QSC	7480103	Kỹ thuật phần mềm	oHọc sinh của 66 trường trung học phổ thông theo danh sách do ĐHQG-HCM công bố đạt 3 năm học sinh giỏi ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12).	A00		A01		D01		D07		x
78	ĐH	QSC	7480104	Hệ thống thông tin	oLà thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh/thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia môn	A00		A01		D01		D07		x
79	ĐH	QSC	7480104_TT	Hệ thống thông tin (CT Tiên tiến)		A01		D01		D07				x
80	ĐH	QSC	7340122	Thương mại điện tử		A00		A01		D01		D07		x
81	ĐH	QSC	7480201	Công nghệ thông tin		A00		A01		D01		D07		x
82	ĐH	QSC	7480201_N	Công nghệ thông tin (Việt Nhật)		A00		A01		D01		D06		x
83	ĐH	QSC	7480109	Khoa học dữ liệu		A00		A01		D01		D07		x
84	ĐH	QSC	7480202	An toàn thông tin		A00		A01		D01		D07		x
85	ĐH	QSC	7480106	Kỹ thuật máy tính		A00		A01		D01		D07		x
86	ĐH	QSC	7480106_IOT	Kỹ thuật máy tính (Hệ thống Nhúng và IOT)		A00		A01		D01		D07		x

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM									
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)					(5)	(6)								(7)
87	ĐH	QSH	7340403	Quản lý công	- Tốt nghiệp THPT năm 2022. - Đạt danh hiệu học sinh giỏi trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12 hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi Quốc gia hay cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp quốc gia. - Có hạnh kiểm tốt trong năm lớp 10, lớp 11 và lớp 12. - Chỉ áp dụng một lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT. - Thí sinh chỉ đủ điều kiện trúng tuyển khi điểm thi tốt nghiệp THPT của 3 môn tổ hợp xét tuyển A00 hoặc A01, D01 hoặc D07 phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào. (lấy điểm thi THPT 2022 theo các môn có trong tổ hợp xét tuyển)	A01		D01		C15		C00		x
88	ĐH	QSK	7310101_401	Kinh tế (Kinh tế học)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
89	ĐH	QSK	7310101_401C	Kinh tế (Kinh tế học) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
90	ĐH	QSK	7310101_403	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
91	ĐH	QSK	7310101_403C	Kinh tế (Kinh tế và Quản lý Công) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
92	ĐH	QSK	7310106_402	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
93	ĐH	QSK	7310106_402C	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
94	ĐH	QSK	7310106_402CA	Kinh tế quốc tế (Kinh tế đối ngoại) (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
95	ĐH	QSK	7310108_413	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
96	ĐH	QSK	7310108_413C	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
97	ĐH	QSK	7310108_413CA	Toán kinh tế (Toán ứng dụng trong kinh tế, quản trị và tài chính) (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
98	ĐH	QSK	7340101_407	Quản trị kinh doanh		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
99	ĐH	QSK	7340101_407C	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
100	ĐH	QSK	7340101_407CA	Quản trị kinh doanh (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
101	ĐH	QSK	7340101_415	Quản trị kinh doanh (Quản trị du lịch và lữ hành)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
102	ĐH	QSK	7340115_410	Marketing		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
103	ĐH	QSK	7340115_410C	Marketing (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
104	ĐH	QSK	7340115_410CA	Marketing (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
105	ĐH	QSK	7340120_408	Kinh doanh quốc tế		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
106	ĐH	QSK	7340120_408C	Kinh doanh quốc tế (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
107	ĐH	QSK	7340120_408CA	Kinh doanh quốc tế (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
108	ĐH	QSK	7340122_411	Thương mại điện tử		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
109	ĐH	QSK	7340122_411C	Thương mại điện tử (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
110	ĐH	QSK	7340122_411CA	Thương mại điện tử (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
111	ĐH	QSK	7340201_404	Tài chính - Ngân hàng		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
112	ĐH	QSK	7340201_404C	Tài chính - Ngân hàng (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
113	ĐH	QSK	7340201_404CA	Tài chính - Ngân hàng (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
114	ĐH	QSK	7340208_414	Công nghệ tài chính		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
115	ĐH	QSK	7340208_414C	Công nghệ tài chính (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
116	ĐH	QSK	7340301_405	Kế toán		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
117	ĐH	QSK	7340301_405C	Kế toán (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
118	ĐH	QSK	7340301_405CA	Kế toán (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
119	ĐH	QSK	7340302_409	Kiểm toán		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
120	ĐH	QSK	7340302_409C	Kiểm toán (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
121	ĐH	QSK	7340405_406	Hệ thống thông tin quản lý		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
122	ĐH	QSK	7340405_406C	Hệ thống thông tin quản lý (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
123	ĐH	QSK	7340405_416C	Hệ thống thông tin quản lý (Kinh doanh số và Trí tuệ nhân tạo) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
124	ĐH	QSK	7380101_503	Luật (Luật dân sự)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
125	ĐH	QSK	7380101_503C	Luật (Luật dân sự) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
126	ĐH	QSK	7380101_503CA	Luật (Luật dân sự) (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
127	ĐH	QSK	7380101_504	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
128	ĐH	QSK	7380101_504C	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
129	ĐH	QSK	7380101_504CP	Luật (Luật Tài chính - Ngân hàng) (Chất lượng cao tăng cường tiếng Pháp)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
130	ĐH	QSK	7380101_505	Luật (Luật và Chính sách công)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
131	ĐH	QSK	7380107_501	Luật kinh tế (Luật kinh doanh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM									
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	
(1)					(5)	(6)								(7)
132	ĐH	QSK	7380107_501C	Luật kinh tế (Luật kinh doanh) (Chất lượng cao)	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) (Chất lượng cao)	A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
133	ĐH	QSK	7380107_502	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
134	ĐH	QSK	7380107_502C	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) (Chất lượng cao)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
135	ĐH	QSK	7380107_502CA	Luật kinh tế (Luật thương mại quốc tế) (Chất lượng cao bằng tiếng Anh)		A00	Toán	A01	Toán	D01	Toán	D07	Toán	x
136	ĐH	QSP	7580201	Kỹ thuật xây dựng	1. Tốt nghiệp THPT năm 2022. 2. Có hạnh kiểm Tốt trong 3 năm lớp 10, lớp 11, lớp 12. 3. Chỉ áp dụng một lần đúng năm học sinh tốt nghiệp THPT năm 2022. 4. Là học sinh thuộc các trường THPT thuộc diện ưu tiên xét tuyển theo Quy định của ĐHQG-HCM (danh sách trường THPT như năm 2021). 5. Kết quả học tập: - Học sinh các trường chuyên, năng khiếu của các trường đại học, tỉnh, thành trên toàn quốc đạt tối thiểu 2 năm học sinh giỏi trong các năm học ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12). - Học sinh thuộc các trường THPT còn lại đạt danh hiệu học sinh giỏi 3 năm ở bậc THPT (lớp 10, 11, 12). - Là thành viên đội tuyển của trường hoặc tỉnh thành tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia.	A00	Toán	A01	Toán	D90	Toán			x
137	ĐH	QSQ	7340101	Quản trị Kinh doanh		A00		A01		D01		D07		x
138	ĐH	QSQ	7340201	Tài chính - Ngân hàng		A00		A01		D01		D07		x
139	ĐH	QSQ	7340301	Kế toán		A00		A01		D01		D07		x
140	ĐH	QSQ	7220201	Ngôn ngữ Anh		D01		D09		D14		D15		x
141	ĐH	QSQ	7480201	Công nghệ Thông tin		A00		A01						x
142	ĐH	QSQ	7480109	Khoa học Dữ liệu		A00		A01						x
143	ĐH	QSQ	7480101	Khoa học Máy tính		A00		A01						x
144	ĐH	QSQ	7420201	Công nghệ Sinh học		A00		B00		B08		D07		x
145	ĐH	QSQ	7540101	Công nghệ Thực phẩm		A00		A01		B00		D07		x
146	ĐH	QSQ	7440112	Hóa học (Hóa sinh)		A00		B00		B08		D07		x
147	ĐH	QSQ	7520301	Kỹ thuật Hóa học		A00		A01		B00		D07		x
148	ĐH	QSQ	7520118	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp		A00		A01		D01				x
149	ĐH	QSQ	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng		A00		A01		D01				x
150	ĐH	QSQ	7520207	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông		A00		A01		B00		D01		x
151	ĐH	QSQ	7520216	Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hóa		A00		A01		B00		D01		x
152	ĐH	QSQ	7520212	Kỹ thuật Y sinh		A00		B00		B08		D07		x
153	ĐH	QSQ	7580201	Kỹ thuật Xây dựng		A00		A01		D07				x
154	ĐH	QSQ	7580302	Quản lý Xây dựng		A00		A01		D01		D07		x
155	ĐH	QSQ	7460112	Toán Ứng dụng (Kỹ thuật Tài chính và Quản trị rủi ro)		A00		A01						x
156	ĐH	QSQ	7520121	Kỹ thuật Không gian		A00		A01		A02		D90		x
157	ĐH	QSQ	7520320	Kỹ thuật Môi trường		A00		A02		B00		D07		x
158	ĐH	QSQ	7420201_UN	Công nghệ Sinh học (Chương trình liên kết với ĐH Nottingham) (2+2)		A00		B00		B08		D07		x
159	ĐH	QSQ	7420201_WE2	Công nghệ Sinh học (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (2+2)		A00		B00		B08		D07		x
160	ĐH	QSQ	7420201_WE4	Công nghệ Sinh học định hướng Y Sinh (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (4+0)		A00		B00		B08		D07		x

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM										
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
(1)					(5)	(6)								(7)	
161	ĐH	QSQ	7480201_DK25	Công nghệ Thông tin (Chương trình liên kết với ĐH Deakin) (2.5+1.5)		A00		A01							x
162	ĐH	QSQ	7480201_DK2	Công nghệ Thông tin (Chương trình liên kết với ĐH Deakin) (2+2)		A00		A01							x
163	ĐH	QSQ	7480201_DK3	Công nghệ Thông tin (Chương trình liên kết với ĐH Deakin) (3+1)		A00		A01							x
164	ĐH	QSQ	7480201_UN	Công nghệ Thông tin (Chương trình liên kết với ĐH Nottingham) (2+2)		A00		A01							x
165	ĐH	QSQ	7480201_WE2	Công nghệ Thông tin (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (2+2)		A00		A01							x
166	ĐH	QSQ	7480201_WE4	Công nghệ Thông tin (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (4+0)		A00		A01							x
167	ĐH	QSQ	7540101_UN	Công nghệ Thực phẩm (Chương trình liên kết với ĐH Nottingham) (2+2)		A00		A01		B00		D07			x
168	ĐH	QSQ	7520207_UN	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (Chương trình liên kết với ĐH Nottingham) (2+2)		A00		A01		B00		D01			x
169	ĐH	QSQ	7520207_WE	Kỹ thuật Điện tử - Viễn thông (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (2+2)		A00		A01		B00		D01			x
170	ĐH	QSQ	7520207_SB	Kỹ thuật Điện tử (Chương trình liên kết với ĐH Suny Binghamton) (2+2)		A00		A01		B00		D01			x
171	ĐH	QSQ	7520118_SB	Kỹ thuật Hệ thống Công nghiệp (Chương trình liên kết với ĐH Suny Binghamton) (2+2)		A00		A01		D01					x
172	ĐH	QSQ	7480106_SB	Kỹ thuật Máy tính (Chương trình liên kết với ĐH Suny Binghamton) (2+2)		A00		A01							x
173	ĐH	QSQ	7220201_WE2	Ngôn ngữ Anh (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (2+2)		D01		D09		D14		D15			x
174	ĐH	QSQ	7220201_WE3	Ngôn ngữ Anh (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (3+1)		D01		D09		D14		D15			x
175	ĐH	QSQ	7220201_WE4	Ngôn ngữ Anh (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (4+0)		D01		D09		D14		D15			x
176	ĐH	QSQ	7340101_AU	Quản trị Kinh doanh (Chương trình liên kết với ĐH Công nghệ Auckland) (2+2)		A00		A01		D01		D07			x
177	ĐH	QSQ	7340101_UH	Quản trị Kinh doanh (Chương trình liên kết với ĐH Houston) (2+2)		A00		A01		D01		D07			x
178	ĐH	QSQ	7340101_NS	Quản trị Kinh doanh (Chương trình liên kết với ĐH New South Wales) (2+2)		A00		A01		D01		D07			x
179	ĐH	QSQ	7340101_UN	Quản trị Kinh doanh (Chương trình liên kết với ĐH Nottingham) (2+2)		A00		A01		D01		D07			x
180	ĐH	QSQ	7340101_WE	Quản trị Kinh doanh (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (2+2)		A00		A01		D01		D07			x
181	ĐH	QSQ	7340101_WE4	Quản trị Kinh doanh (Chương trình liên kết với ĐH West of England) (4+0)		A00		A01		D01		D07			x
182	ĐH	QSQ	7340101_AND	Quản trị Kinh doanh (Đại học Andrews, Hoa Kỳ) (4+0)		A00		A01		D01		D07			x
183	ĐH	QSQ	7480201_TUR	Công nghệ Thông tin (Đại học Turku, Phần Lan) (2+1)		A00		A01							x
184	ĐH	QST	7420101	Sinh học		A02		B00		B08					x
185	ĐH	QST	7420101_CLC	Sinh học (CT Chất lượng cao)		A02		B00		B08					x
186	ĐH	QST	7420201	Công nghệ Sinh học		A02		B00		B08		D90			x
187	ĐH	QST	7420201_CLC	Công nghệ Sinh học (CT Chất lượng cao)		A02		B00		B08		D90			x
188	ĐH	QST	7440102	Vật lý học		A00		A01		A02		D90			x
189	ĐH	QST	7440112	Hóa học		A00		B00		D07		D90			x
190	ĐH	QST	7440112_CLC	Hóa học (CT Chất lượng cao)		A00		B00		D07		D90			x
191	ĐH	QST	7440122	Khoa học Vật liệu		A00		A01		B00		D07			x
192	ĐH	QST	7440201	Địa chất học		A00		A01		B00		D07			x

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM								Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM	
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp		Tổ hợp	Tổ hợp		Tổ hợp			
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn		Môn chính
(1)					(5)	(6)								(7)
193	ĐH	QST	7440228	Hải dương học		A00		A01		B00		D07		x
194	ĐH	QST	7440301	Khoa học Môi trường		A00		B00		B08		D07		x
195	ĐH	QST	7440301 CLC	Khoa học Môi trường (CT Chất lượng cao)		A00		B00		B08		D07		x
196	ĐH	QST	7460101 NN	Nhóm ngành Toán học, Toán Ứng dụng, Toán tin		A00		A01		B00		D01		x
197	ĐH	QST	7480101 TT	Khoa học máy tính (CT Tiên tiến)		A00		A01		B08		D07		x
198	ĐH	QST	7480109	Khoa học dữ liệu		A00		A01		B08		D07		x
199	ĐH	QST	7480201 CLC	Công nghệ thông tin (CT Chất lượng cao)		A00		A01		B08		D07		x
200	ĐH	QST	7480201 NN	Nhóm ngành Máy tính và Công nghệ thông tin		A00		A01		B08		D07		x
201	ĐH	QST	7510401 CLC	Công nghệ kỹ thuật Hoá học (CT Chất lượng cao)		A00		B00		D07		D90		x
202	ĐH	QST	7510402	Công nghệ Vật liệu		A00		A01		B00		D07		x
203	ĐH	QST	7510406	Công nghệ Kỹ thuật Môi trường		A00		B00		B08		D07		x
204	ĐH	QST	7520207	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông		A00		A01		D07		D90		x
205	ĐH	QST	7520207 CLC	Kỹ thuật điện tử - Viễn thông (CT Chất lượng cao)		A00		A01		D07		D90		x
206	ĐH	QST	7520402	Kỹ thuật hạt nhân		A00		A01		A02		D90		x
207	ĐH	QST	7520403	Vật lý Y khoa		A00		A01		A02		D90		x
208	ĐH	QST	7520501	Kỹ thuật địa chất		A00		A01		B00		D07		x
209	ĐH	QST	7850101	Quản lý tài nguyên và môi trường		A00		B00		B08		D07		x
210	ĐH	QSX	7140101	Giáo dục học		B00		C00		C01		D01		x
211	ĐH	QSX	7140114	Quản lý giáo dục		A01		C00		D01		D14		x
212	ĐH	QSX	7220201	Ngôn ngữ Anh		D01	Tiếng Anh x 2							x
213	ĐH	QSX	7220202	Ngôn ngữ Nga		D01	Tiếng Anh x 2	D02	Tiếng Nga x 2					x
214	ĐH	QSX	7220203	Ngôn ngữ Pháp		D01	Tiếng Anh x 2	D03	Tiếng Pháp x 2					x
215	ĐH	QSX	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc		D01	Tiếng Anh x 2	D04	Tiếng Trung x 2					x
216	ĐH	QSX	7220205	Ngôn ngữ Đức		D01	Tiếng Anh x 2	D05	Tiếng Đức x 2					x
217	ĐH	QSX	7220206	Ngôn ngữ Tây Ban Nha		D01	Tiếng Anh x 2	D03	Tiếng Pháp x 2	D05	Tiếng Đức x 2			x
218	ĐH	QSX	7220208	Ngôn ngữ Italia		D01	Tiếng Anh x 2	D03	Tiếng Pháp x 2	D05	Tiếng Đức x 2			x
219	ĐH	QSX	7229001	Triết học		A01		C00		D01		D14		x
220	ĐH	QSX	7229009	Tôn giáo học		C00		D01		D14				x
221	ĐH	QSX	7229010	Lịch sử		C00	Lịch sử x 2	D01		D14	Lịch sử x 2			x
222	ĐH	QSX	7229020	Ngôn ngữ học		C00	Ngữ văn x 2	D01	Ngữ văn x 2	D14	Ngữ văn x 2			x
223	ĐH	QSX	7229030	Văn học		C00	Ngữ văn x 2	D01	Ngữ văn x 2	D14	Ngữ văn x 2			x
224	ĐH	QSX	7229040	Văn hóa học		C00		D01		D14				x
225	ĐH	QSX	7310206	Quan hệ quốc tế		D01		D14						x
226	ĐH	QSX	7310301	Xã hội học		A00		C00		D01		D14		x
227	ĐH	QSX	7310302	Nhân học		C00		D01		D14				x
228	ĐH	QSX	7310401	Tâm lý học		B00		C00		D01		D14		x
229	ĐH	QSX	7310403	Tâm lý học giáo dục		B00		B08		D01		D14		x
230	ĐH	QSX	7310501	Địa lý học		A01		C00	Địa lý x 2	D01		D15	Địa lý x 2	x
231	ĐH	QSX	7310608	Đồng phương học		D01		D04		D14				x
232	ĐH	QSX	7310613	Nhật bản học		D01		D06	Tiếng Nhật x 2	D14				x
233	ĐH	QSX	7310614	Hàn quốc học		D01		D14		DD2	Tiếng Hàn x 2	DH5	Tiếng Hàn x 2	x
234	ĐH	QSX	7310630	Việt Nam học		C00		D01		D14		D15		x
235	ĐH	QSX	7320101	Báo chí		C00		D01		D14				x
236	ĐH	QSX	7320104	Truyền thông đa phương tiện		D01		D14		D15				x
237	ĐH	QSX	7320201	Thông tin - Thư viện		A01		C00		D01		D14		x
238	ĐH	QSX	7320205	Quản lý thông tin		A01		C00		D01		D14		x
239	ĐH	QSX	7320303	Lưu trữ học		C00		D01		D14				x
240	ĐH	QSX	7340406	Quản trị văn phòng		C00		D01		D14				x
241	ĐH	QSX	7580112	Đồ thị học		A01		C00		D01		D14		x
242	ĐH	QSX	7760101	Công tác xã hội		C00		D01		D14				x
243	ĐH	QSX	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành		C00		D01		D14				x
244	ĐH	QSX	7220201 CLC	Ngôn ngữ Anh Chất lượng cao		D01	Tiếng Anh x 2							x
245	ĐH	QSX	7220204 CLC	Ngôn ngữ Trung Quốc Chất lượng cao		D01	Tiếng Anh x 2	D04	Tiếng Trung x 2					x
246	ĐH	QSX	7220205 CLC	Ngôn ngữ Đức Chất lượng cao		D01	Tiếng Anh x 2	D05	Tiếng Đức x 2					x
247	ĐH	QSX	7310206 CLC	Quan hệ quốc tế Chất lượng cao		D01		D14						x

Stt	Trình độ đào tạo	Mã tuyển sinh	Mã ngành/ nhóm ngành/ chương trình tuyển sinh năm 2022	Ngành/ Nhóm ngành/ Chương trình học	PHƯƠNG THỨC XÉT UTXT THEO QUY ĐỊNH ĐHQG-HCM										
					Điều kiện chi tiết đăng ký xét tuyển	Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Tổ hợp		Ngành xét tuyển UTXT ĐHQG- HCM	
						Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính	Tổ hợp môn	Môn chính		
(1)					(5)	(6)								(7)	
248	ĐH	QXS	7310613	CLC	Nhật Bản học - Chất lượng cao	D01		D06	Tiếng Nhật x 2	D14					x
249	ĐH	QXS	7320101	CLC	Bảo chi - Chất lượng cao	C00		D01		D14					x
250	ĐH	QXS	7810103	CLC	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành - Chất lượng cao	C00		D01		D14					x
251	ĐH	QSY	7720101	CLC	Y khoa (CLC)	B00									x
252	ĐH	QSY	7720201	CLC	Dược học (CLC)	B00									x
253	ĐH	QSY	7720501	CLC	Răng - Hàm - Mặt (CLC)	B00									x
254	ĐH	QSY	7720115		Y học cổ truyền	B00									x
255	ĐH	QSY	7720301		Điều dưỡng	B00									x